

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	747.66	101.84	50.37
% ngày	0.25%	1.11%	0.12%
% tuần	-7.85%	-3.49%	-4.02%
% tháng	-19.43%	-7.48%	-10.45%
% năm	-26.11%	-8.15%	-12.28%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,202	576	199
TB 1 tuần	4,817	654	328
TB 1 tháng	4,138	724	342
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	438.96	5.71	6.38
Bán	1,034.35	72.10	15.51
Giá trị ròng	-595.39	-66.39	-9.13
Độ rộng TT			
Mã Tăng	204	89	190
Mã Giảm	105	58	91
Không Đổi	83	226	622
Chỉ số chính			
P/E	11.57	8.54	12.98
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,602	191	727
LS Cổ tức	3.10%	6.19%	5.44%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index giằng co trong phiên nhưng đóng cửa trong sắc xanh tại 747.66 điểm tăng nhẹ 0.25%. Chỉ số HNX-Index tăng tốt hơn với mức tăng 1.11% đóng cửa tại 101.84 điểm trong khi Upcom-Index cũng chỉ tăng nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 3,550 tỷ đồng toàn thị trường không có nhiều thay đổi cho thấy dòng tiền vẫn yếu ngoài trừ nhóm Mid-Cap và Small-Cap.

Thị trường trở lại trạng thái phân hoá trong đó các cổ phiếu có sự xoay vòng để nâng đỡ chỉ số. Phiên hôm nay, đáng chú ý là vai trò của VCB(+2.7%), HPG(+2.6%), BID(+2.2%) cùng với PLX (+7%) là các mã tăng giá tích cực nhất. Ở chiều giảm SAB(-3.5%), SSI(-3.5%), GAS(-3%) là các mã giảm sâu nhất trong VN30-Index. Nhóm Ngân hàng sau phiên tăng mạnh liền trước cũng đã có sự phân hoá trở lại.

Dòng Small-Cap tiếp tục gây chú ý khi nhiều mã giữ xung lực tăng mạnh tiêu biểu HAI(+6.8%) đóng cửa tại 4,880 đồng/cp trên vùng đỉnh cũ 4,500 đồng/cp. Ngoài ra, HQC(+7%), HAI(+6.9%), SCR(+6.8%), FIT(+5.9%)...cũng giữ xung lực tăng mạnh ở các phiên gần đây.

Khối ngoại tiếp tục động thái bán ròng với giá trị 670.9 tỷ đồng toàn thị trường. VHM(84.1 tỷ), SVC(56.9 tỷ), VNM(43.4 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, ACV(25.7 tỷ) cùng với các mã Ngân hàng dẫn đầu BID(16.5 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ giằng co và đi ngang dưới mức 780 điểm của chỉ số VN-Index trong 1 – 2 phiên tới. Điểm tích cực chúng tôi đánh giá là áp lực bán không gia tăng mạnh mặc dù lượng cổ phiếu đã về tài khoản cho thấy tâm lý đã ổn định hơn so với thời điểm trước đó. Đồng thời, dòng tiền đầu cơ tiếp tục gia tăng mạnh. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng cho thấy cơ hội giải ngân tiếp tục gia tăng nhẹ.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 787.21 điểm của chỉ số VN-Index và 106.32 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường hoặc có thể tiếp tục mua mới với tỷ trọng thấp. Đồng thời, các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các vị thế đã bắt đáy trước đó.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 17% cổ phiếu/83% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

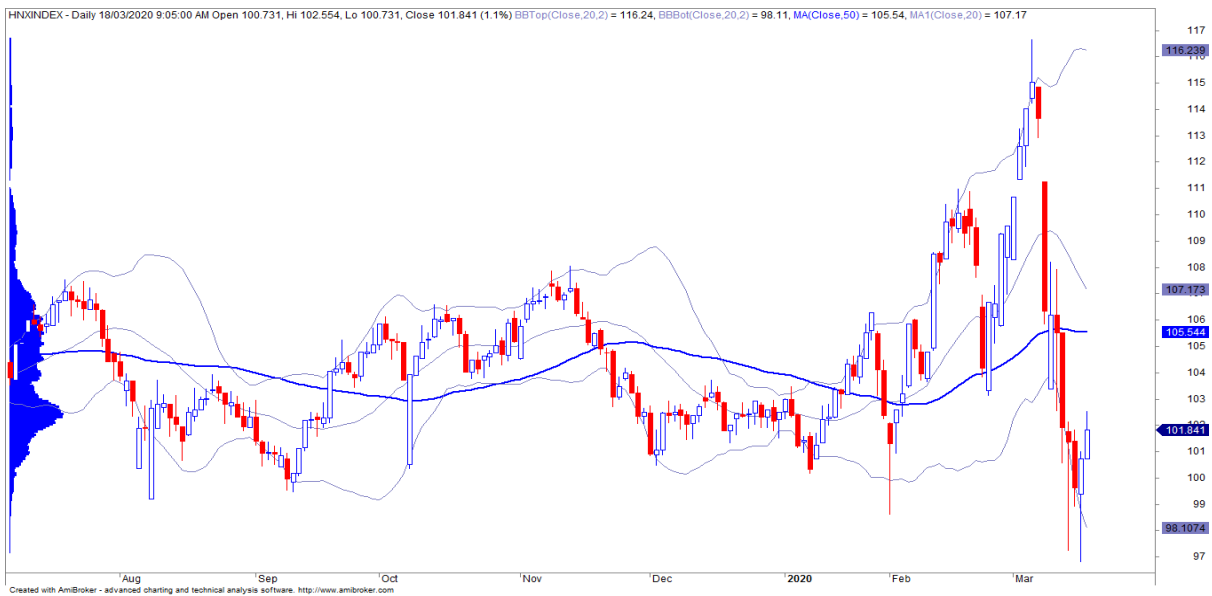


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.00	TĂNG	GIẢM	11.15	9.94	-1.35%		12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	21.20	GIẢM	GIẢM		23.48			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
ACV	50.50	GIẢM	GIẢM		59.18				65.25		
ANV	16.00	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.14	GIẢM	GIẢM		5.56				6.48		
BFC	11.20	GIẢM	TĂNG		11.87			12.25	10.54	-8.57%	
BID	34.55	GIẢM	GIẢM		37.10				52.91		
BMP	36.80	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BSR	6.50	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	39.00	GIẢM	GIẢM		43.22				62.61		
BWE	19.10	GIẢM	GIẢM		20.35				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	21.00	GIẢM	GIẢM		21.85				24.91		
CMG	23.20	GIẢM	GIẢM		25.77				34.69		
CMX	10.70	GIẢM	TĂNG		12.22			13.50	9.24	-20.74%	
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	20.41%	
CTD	55.10	GIẢM	GIẢM		60.24			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	20.95	GIẢM	GIẢM		23.05			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	32.60	GIẢM	GIẢM		37.22			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
CVT	15.55	GIẢM	GIẢM		16.32				21.12		
DCM	5.80	TĂNG	TĂNG	5.60	5.12	3.57%		6.18	5.63	-6.15%	BÁN
DGC	22.80	GIẢM	GIẢM		23.54				26.66		
DGW	20.60	GIẢM	GIẢM		23.06			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHA	29.60	GIẢM	GIẢM		31.49				32.52		
DHC	34.90	GIẢM	GIẢM		39.21			37.70	36.02	-4.45%	
DHG	79.30	GIẢM	GIẢM		87.69			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.70	GIẢM	TĂNG		12.40			12.55	11.62	-6.77%	
DPG	26.45	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.85	GIẢM	GIẢM		11.96				12.75		
DPR	36.25	GIẢM	TĂNG		36.97			41.30	36.21	-12.23%	BÁN
DQC	17.00	TĂNG	TĂNG	13.95	14.38	21.86%			15.72		
DRC	18.30	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
EIB	16.35	GIẢM	GIẢM		17.23			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
FCN	7.49	GIẢM	GIẢM		7.63				10.51		

We Create Fortune

FMC	20.35	GIẢM	GIẢM		20.81				25.36		
FPT	48.40	GIẢM	GIẢM		51.77				56.69		
GAS	58.00	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.60	TĂNG	GIẢM	14.60	14.50	0.00%	MUA		19.54		
GIL	17.20	TĂNG	GIẢM	17.20	17.15	0.00%	MUA	18.90	17.41	-7.89%	BÁN
GMD	16.95	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.12				19.23		
GVR	10.50	GIẢM	GIẢM		11.73				12.77		
HAG	3.03	GIẢM	GIẢM		3.28				3.78		
HAX	10.65	GIẢM	GIẢM		11.88				14.64		
HBC	7.90	GIẢM	GIẢM		8.72				12.07		
HCM	13.80	GIẢM	GIẢM		15.16				20.42		
HDB	21.30	GIẢM	GIẢM		24.03			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HDC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.80	GIẢM	GIẢM		21.69				29.65		
HNG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.36				14.51		
HPG	19.70	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HSG	6.16	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.30	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HUT	1.90	GIẢM	GIẢM		1.99				2.43		
HVN	20.80	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KBC	11.60	GIẢM	GIẢM		13.26				15.94		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				26.24		
KSB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.98			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		5.64				7.50		
LDG	6.20	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-6.91%			7.48		
LHG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		8.04			7.40	6.90	-6.76%	
MBB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.97				22.55		
MPC	20.30	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-15.77%	
MSN	49.40	GIẢM	GIẢM		53.47				56.41		
MSR	15.60	TĂNG	GIẢM	15.00	13.81	4.00%			16.05		
MWG	78.80	GIẢM	GIẢM		83.93				115.75		
NDN	14.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.60				9.51		
NLG	21.40	GIẢM	GIẢM		23.77				27.39		
NT2	17.05	GIẢM	GIẢM		18.10			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	17.50	TĂNG	GIẢM	17.50	16.83	0.00%	MUA		22.81		
NVL	51.00	GIẢM	GIẢM		53.78				57.76		



We Create Fortune

OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PAC	20.80	GIẢM	GIẢM		21.79				25.22		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		12.64				17.12		
PDR	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21			29.00	25.19	-13.10%	
PHR	41.70	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-11.65%	
PLX	42.10	TĂNG	GIẢM	42.10	40.31	0.00%	MUA		55.37		
PNJ	57.40	GIẢM	GIẢM		61.25				88.64		
POW	8.76	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		
PVT	8.88	GIẢM	GIẢM		9.78				13.84		
PPC	23.50	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	43.20	GIẢM	GIẢM		48.05				68.86		
PVB	10.70	GIẢM	GIẢM		11.66				17.58		
PVD	8.70	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	29.30	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-4.87%			33.18		
PVS	10.60	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PXS	3.50	GIẢM	GIẢM		4.19				5.74		
QNS	22.50	GIẢM	GIẢM		24.53				28.22		
REE	30.30	TĂNG	GIẢM	29.90	26.37	1.34%			34.93		
SAB	136.00	GIẢM	GIẢM		160.89				192.12		
SAM	9.45	GIẢM	TĂNG		9.93			7.40	8.90	27.70%	
SCR	4.38	TĂNG	GIẢM	4.38	4.30	0.00%	MUA		5.86		
SHI	8.38	GIẢM	TĂNG		8.47			6.99	8.30	19.89%	BÁN
SJS	18.00	GIẢM	TĂNG		18.47			17.00	16.65	5.88%	
SKG	9.45	GIẢM	GIẢM		10.15				12.01		
SSI	13.70	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	10.00	GIẢM	GIẢM		11.12			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.95	GIẢM	GIẢM		19.37				23.81		
TCM	13.80	GIẢM	GIẢM		15.35				21.05		
TDH	7.10	GIẢM	GIẢM		7.80				10.57		
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
VCB	69.30	GIẢM	GIẢM		72.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	57.60	GIẢM	GIẢM		59.93				77.55		
VGC	16.10	GIẢM	GIẢM		16.95				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.70	GIẢM	GIẢM		27.02				37.71		
VHM	69.50	GIẢM	GIẢM		75.76				88.68		
VIB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.64			17.70	16.76	-5.29%	BÁN



We Create Fortune

VIC	89.00	GIẢM	GIẢM		97.30			111.22		
VIP	4.40	GIẢM	GIẢM		4.59		5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VJC	101.40	GIẢM	GIẢM		106.24			134.24		
VND	13.00	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-9.72%		14.82		
VNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.23			18.07		
VNM	95.00	GIẢM	GIẢM		102.39			114.54		
VPB	21.55	GIẢM	GIẢM		23.49		21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	41.50	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	0.48%	
VRC	6.01	TĂNG	GIẢM	6.01	5.86	0.00%	MUA	9.77		
VRE	22.10	GIẢM	GIẢM		24.90			32.30		
VSC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.83			26.96		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.20	GIẢM	GIẢM		23.48			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BID	34.55	GIẢM	GIẢM		37.10				52.91		
BSR	6.50	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	39.00	GIẢM	GIẢM		43.22				62.61		
CTG	20.95	GIẢM	GIẢM		23.05			23.55	24.15	2.55%	BÁN
FPT	48.40	GIẢM	GIẢM		51.77				56.69		
GAS	58.00	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.60	TĂNG	GIẢM	14.60	14.50	0.00%	MUA		19.54		
GVR	10.50	GIẢM	GIẢM		11.73				12.77		
HDB	21.30	GIẢM	GIẢM		24.03			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HNG	12.85	GIẢM	GIẢM		13.36				14.51		
HPG	19.70	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HVN	20.80	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				26.24		
MBB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.97				22.55		
MSN	49.40	GIẢM	GIẢM		53.47				56.41		
MWG	78.80	GIẢM	GIẢM		83.93				115.75		
NVL	51.00	GIẢM	GIẢM		53.78				57.76		
OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PLX	42.10	TĂNG	GIẢM	42.10	40.31	0.00%	MUA		55.37		
PNJ	57.40	GIẢM	GIẢM		61.25				88.64		
POW	8.76	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		

We Create Fortune

QNS	22.50	GIẢM	GIẢM		24.53				28.22		
REE	30.30	TĂNG	GIẢM	29.90	26.37	1.34%			34.93		
ROS	5.27	GIẢM	GIẢM		5.85				11.45		
SBT	15.10	GIẢM	GIẢM		16.50			17.50	20.07	14.66%	BÁN
SSI	13.70	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	10.00	GIẢM	GIẢM		11.12			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.95	GIẢM	GIẢM		19.37				23.81		
TPB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.46				23.94		
VCB	69.30	GIẢM	GIẢM		72.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	57.60	GIẢM	GIẢM		59.93				77.55		
VEA	30.80	GIẢM	GIẢM		32.94				59.45		
VGI	22.40	GIẢM	GIẢM		24.76			28.30	24.29	-14.18%	BÁN
VHM	69.50	GIẢM	GIẢM		75.76				88.68		
VIB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.64			15.00	16.76	11.73%	BÁN
VIC	89.00	GIẢM	GIẢM		97.30				111.22		
VJC	101.40	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VNM	95.00	GIẢM	GIẢM		102.39				114.54		
VPB	21.55	GIẢM	GIẢM		23.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VRE	22.10	GIẢM	GIẢM		24.90				32.30		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.00	TĂNG	GIẢM	11.15	9.94	-1.35%		13.30	11.21	-15.70%	BÁN
ANV	16.00	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	5.14	GIẢM	GIẢM		5.56				6.48		
BMI	17.60	GIẢM	GIẢM		19.54				25.11		
BMP	36.80	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BWE	19.10	GIẢM	GIẢM		20.35				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	21.00	GIẢM	GIẢM		21.85				24.91		
CRE	15.60	GIẢM	GIẢM		18.17				23.60		
CTI	21.80	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-1.80%			23.07		
CTR	32.60	GIẢM	GIẢM		37.22			43.70	40.69	-6.88%	BÁN
D2D	50.50	GIẢM	TĂNG		53.20			64.00	47.92	-21.09%	BÁN
DBD	45.90	GIẢM	GIẢM		48.50				54.53		



We Create Fortune

DCM	5.80	TĂNG	TĂNG	5.60	5.12	3.57%		6.18	5.63	-6.15%	BÁN
DGW	20.60	GIẢM	GIẢM		23.06			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	34.90	GIẢM	GIẢM		39.21			37.70	36.02	-4.45%	
DIG	11.70	GIẢM	TĂNG		12.40			13.20	11.62	-11.36%	
DPG	26.45	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.85	GIẢM	GIẢM		11.96				12.75		
DRC	18.30	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
E1VFN30	11.51	GIẢM	GIẢM		12.37				15.18		
FCN	7.49	GIẢM	GIẢM		7.63				10.51		
FLC	3.89	TĂNG	GIẢM		3.86				4.50		
GEG	20.95	GIẢM	GIẢM		22.26				24.79		
GMD	16.95	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.12				19.23		
HAG	3.03	GIẢM	GIẢM		3.28				3.78		
HBC	7.90	GIẢM	GIẢM		8.72				12.07		
HCM	13.80	GIẢM	GIẢM		15.16				20.42		
HDC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.80	GIẢM	GIẢM		21.69				29.65		
HPX	27.75	TĂNG	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	6.16	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.30	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HTM	13.00	TĂNG	GIẢM	12.50	8.83	4.00%		20.00	15.34	-23.28%	BÁN
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.80	20.12	0.48%			21.22		
IDI	3.95	GIẢM	GIẢM		4.13				4.85		
IJC	10.00	GIẢM	GIẢM		10.78				15.20		
ITA	2.20	GIẢM	GIẢM		2.21				2.57		
KBC	11.60	GIẢM	GIẢM		13.26				15.94		
KDC	16.50	GIẢM	GIẢM		17.49				19.95		
KOS	28.30	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	7.60%	
KSB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.98			19.10	17.18	-10.08%	BÁN
LDG	6.20	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-6.91%			7.48		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		8.04			7.40	6.90	-6.76%	
MBG	10.90	GIẢM	GIẢM		14.25				25.96		
MBS	8.60	GIẢM	GIẢM		9.97				12.76		
MPC	20.30	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-15.77%	
NBB	19.75	TĂNG	GIẢM	20.05	17.99	-1.50%			21.34		
NKG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.60				9.51		



We Create Fortune

NLG	21.40	GIẢM	GIẢM		23.77			27.39		
NT2	17.05	GIẢM	GIẢM		18.10		20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	17.50	TĂNG	GIẢM		16.83			22.81		
NVB	8.80	GIẢM	TĂNG		9.11		8.50	8.62	3.53%	
OGC	3.00	GIẢM	GIẢM		3.20			3.70		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		12.64			17.12		
PDR	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21		23.59	25.19	6.80%	
PHR	41.70	GIẢM	TĂNG		45.03		47.20	38.94	-11.65%	
PPC	23.50	GIẢM	GIẢM		24.23		28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	43.20	GIẢM	GIẢM		48.05			68.86		
PVD	8.70	GIẢM	GIẢM		10.16			14.16		
PVI	29.30	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-4.87%		33.18		
PVS	10.60	GIẢM	GIẢM		12.39			17.60		
PVT	8.88	GIẢM	GIẢM		9.78			13.84		
QCG	10.20	TĂNG	TĂNG	4.00	8.78	155.00%	4.28	4.40	138.32%	
SCR	4.38	TĂNG	GIẢM		4.30			5.86		
SGP	5.40	GIẢM	GIẢM		5.67			7.68		
SHB	11.90	GIẢM	TĂNG		12.10		7.10	9.06	67.61%	
SHS	6.80	GIẢM	GIẢM		7.51		7.90	7.28	-7.83%	BÁN
SZC	14.70	GIẢM	GIẢM		15.98		17.85	14.73	-17.46%	BÁN
TCH	24.20	GIẢM	GIẢM		25.30			38.78		
TCM	13.80	GIẢM	GIẢM		15.35			21.05		
TDH	7.10	GIẢM	GIẢM		7.80			10.57		
TNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.66		15.50	13.32	-14.04%	
TTB	2.91	GIẢM	GIẢM		3.11			5.31		
VGC	16.10	GIẢM	GIẢM		16.95			18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01		9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.70	GIẢM	GIẢM		27.02			37.71		
VND	13.00	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-9.72%		14.82		
VNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.23			18.07		
VPI	41.50	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	0.48%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.90	GIẢM	GIẢM		5.41				7.88		
AGR	2.94	GIẢM	GIẢM		3.06				3.76		
AMD	5.20	TĂNG	TĂNG	2.35	4.44	121.28%		3.06	1.94	69.93%	
APG	8.60	GIẢM	GIẢM		9.46			9.90	9.37	-5.31%	BÁN
ART	3.40	TĂNG	TĂNG	3.10	2.57	9.68%		2.30	2.12	47.83%	
BCG	5.84	GIẢM	GIẢM		6.27				7.24		
C4G	4.50	GIẢM	GIẢM		4.85				6.94		
C69	5.00	GIẢM	GIẢM		5.98				10.52		
CCL	5.19	GIẢM	GIẢM		5.71				7.40		
CVT	15.55	GIẢM	GIẢM		16.32				21.12		
DAH	8.37	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.93	TĂNG	GIẢM		1.89				2.21		
DRH	4.47	GIẢM	GIẢM		5.01			4.70	4.74	0.88%	
DTD	10.30	GIẢM	TĂNG		11.09			12.40	10.14	-16.94%	BÁN
EVG	2.45	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	7.41	TĂNG	GIẢM	7.00	5.80	5.86%			9.11		
FTM	1.72	GIẢM	GIẢM		1.76				2.92		
FUES SV50	10.40	GIẢM	GIẢM		10.95				12.88		
GKM	15.20	GIẢM	TĂNG	15.00	15.27	1.78%		14.90	14.87	2.01%	
HAH	9.19	GIẢM	GIẢM		9.72				11.79		
HAI	4.88	TĂNG	TĂNG	3.04	4.02	60.53%		3.34	2.09	46.11%	
HAR	3.07	TĂNG	GIẢM		3.06				4.02		
HDA	7.00	GIẢM	GIẢM		7.37				9.03		
HHP	12.90	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-6.52%		13.20	11.66	-2.27%	
HHS	4.04	GIẢM	GIẢM		4.32			3.36	4.15	23.53%	BÁN
HID	2.98	GIẢM	TĂNG		3.13			2.63	2.30	13.31%	
HII	13.30	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	20.91%	
HQC	1.38	TĂNG	TĂNG	1.15	1.11	20.00%		1.15	0.89	20.00%	
HSL	4.81	GIẢM	GIẢM		4.99				7.15		
HUT	1.90	GIẢM	GIẢM		1.99				2.43		
HVG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.66				8.43		
HVH	8.90	GIẢM	GIẢM		9.86				13.59		
IDJ	15.30	GIẢM	TĂNG		16.43			7.20	12.83	112.50%	BÁN
JVC	3.05	GIẢM	GIẢM		3.33				3.79		



We Create Fortune

KLF	2.00	TĂNG	TĂNG	1.60	1.64	25.00%		1.50	1.33	33.33%	
LCG	5.20	GIẢM	GIẢM		5.64				7.50		
LGL	4.63	GIẢM	GIẢM		5.39				7.04		
LHG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LMH	1.59	GIẢM	GIẢM		1.71				3.88		
MST	4.80	GIẢM	GIẢM		5.55			3.40	5.47	60.93%	BÁN
NDN	14.80	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.96	GIẢM	GIẢM		10.51				11.50		
PLP	8.11	GIẢM	GIẢM	10.05	8.65	-13.95%			10.52		
PVB	10.70	GIẢM	GIẢM		11.66				17.58		
PVC	4.90	GIẢM	GIẢM		5.61				6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.07				1.29		
PXL	8.20	TĂNG	TĂNG	8.10	7.08	1.23%		6.70	6.88	22.39%	
SHI	8.38	GIẢM	TĂNG		8.47			5.77	8.30	45.36%	BÁN
SJF	1.50	TĂNG	GIẢM		1.46				2.05		
SPP	1.40	GIẢM	GIẢM		1.48				2.01		
TDC	7.20	GIẢM	GIẢM		7.81				8.84		
TIG	5.50	GIẢM	GIẢM		6.25			3.20	5.94	85.76%	
TLH	2.99	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNA	15.40	GIẢM	GIẢM		16.99				21.92		
TNI	10.00	GIẢM	TĂNG		10.19			10.90	9.99	-8.26%	BÁN
TSC	2.47	TĂNG	GIẢM	2.31	1.94	6.93%			2.89		
TTF	2.60	GIẢM	TĂNG		2.71			2.85	2.40	-8.77%	
TTH	2.30	GIẢM	GIẢM		2.41				2.88		
TVC	28.60	GIẢM	TĂNG		30.17			14.30	26.65	100.00%	
VC3	15.40	GIẢM	GIẢM		15.82				17.32		
VCR	10.00	GIẢM	TĂNG		10.56			12.90	7.61	-22.48%	
VNA	2.30	GIẢM	GIẢM		2.56				3.80		
VNE	3.58	GIẢM	TĂNG		3.77			3.85	3.41	-7.01%	
VRC	6.01	TĂNG	GIẢM		5.86				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	747.66	0.25%	HNI	101.84	1.11%	UPCoM	50.37	0.12%
VN30	700.65	0.13%	HN30	184.56	0.93%			
VN Mid	760.08	0.52%	VNX	677.35	0.21%			
VN Small	667.98	1.60%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	438.96		Mua	5.71		Mua	6.38	
Bán	1034.35		Bán	72.10		Bán	15.51	
GT ròng	-595.39		GT ròng	-66.39		GT ròng	-9.13	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FCN	490	7.00%	VCS	3700	6.86%	MPC	1900	10.33%
AMD	340	7.00%	SHB	600	5.31%	DVN	600	6.19%
PLX	2750	6.99%	AMV	500	3.76%	OIL	300	4.92%
CTS	440	6.98%	NTP	900	3.31%	CTR	1500	4.82%
HQC	90	6.98%	DGC	300	1.33%	PXL	300	3.80%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-4500	-6.91%	PVS	-500	-4.50%	BSR	-400	-5.80%
PVD	-600	-6.45%	TNG	-500	-3.79%	QNS	-300	-1.32%
GVR	-700	-6.25%	SHS	-200	-2.86%	BOT	0	0.00%
SAB	-5100	-3.61%	TAR	-600	-1.84%	VEA	0	0.00%
SSI	-500	-3.52%	TVC	-200	-0.69%	NTC	100	0.07%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	299,345		ACB	34,952		ACV	106,828	
VCB	250,349		SHB	19,835		MCH	41,335	
VHM	229,937		VCG	10,954		VEA	40,877	
VNM	167,172		VCS	8,624		BSR	21,257	
BID	135,944		PVI	6,587		BCM	20,565	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
TCB	18,816,520	3,302,878	HUT	23,365,002	1,207,335	BSR	5,320,301	2,425,569
FLC	14,318,520	10,966,541	SHB	8,357,012	23,430,956	LPB	3,319,248	3,202,789
ROS	13,103,870	5,055,369	PVS	6,858,667	3,255,509	SBS	615,421	134,651
DLG	12,633,480	7,758,157	ART	5,176,207	2,680,189	VIB	609,598	1,946,915
HPG	11,669,410	6,986,564	ACB	4,994,743	6,958,961	ACV	584,300	175,466

Nguồn: Bloomberg & YSVN

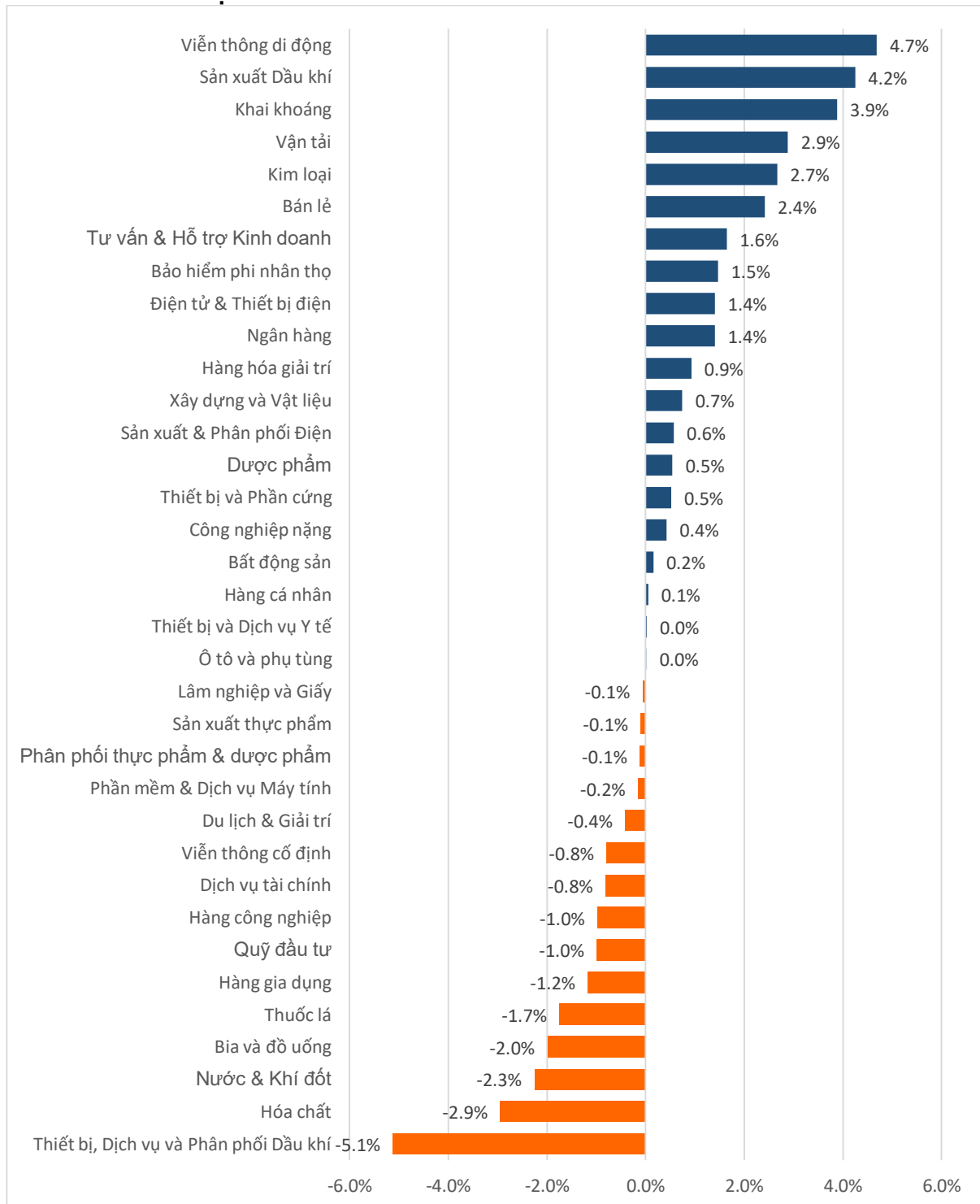
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



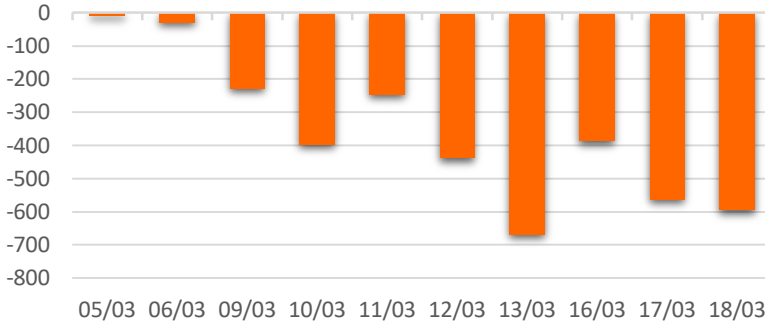
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

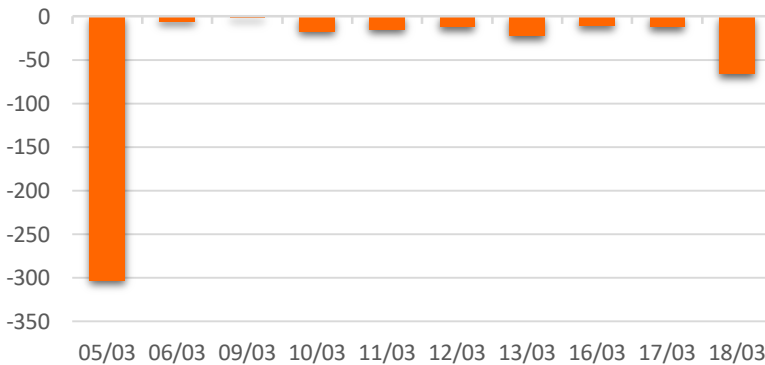
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BID	16,573	VHM	84,192
CTG	15,292	SVC	56,892
VCB	10,660	VNM	43,431
PHR	3,257	E1VFN30	40,277
PPC	1,579	MSN	37,507

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

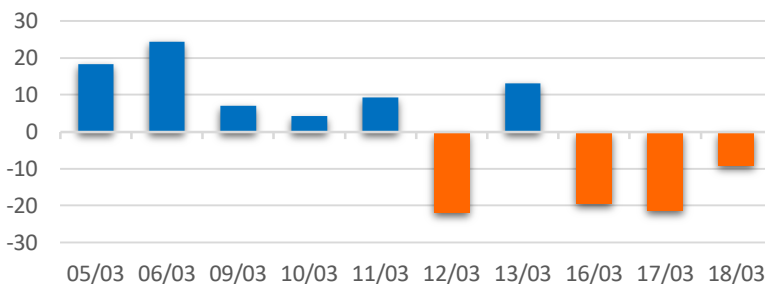
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BVS	267	HUT	35,389
SDT	232	PVS	24,872
NBC	129	TNG	2,747
VCS	102	TIG	1,653
HAT	21	S55	1,141

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	25,773	BSR	28,295
NMK	84	LPB	14,428
MCH	47	VEA	4,405
KHD	28	QNS	2,715
MFS	20	NTC	2,232

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



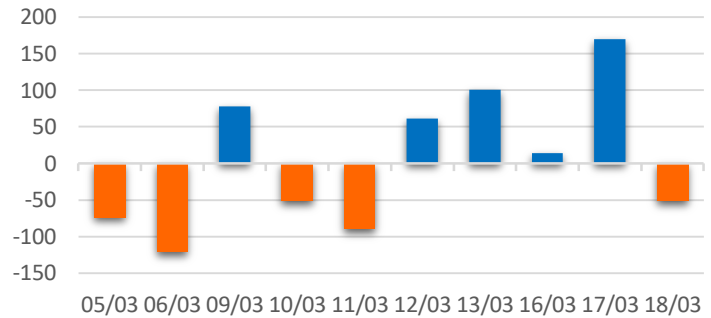
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

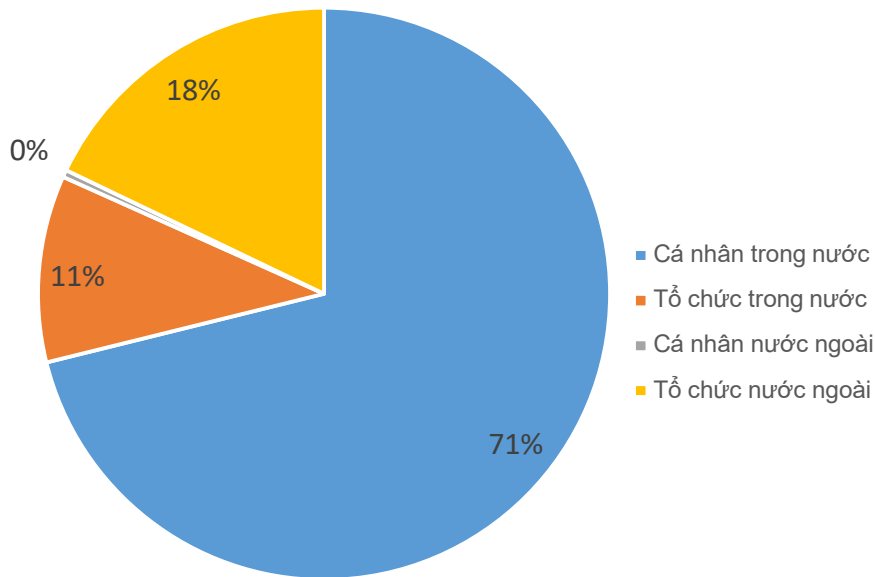
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	51,997	VNM	13,003
CTG	11,499	HPG	12,498
FPT	11,474	E1VFN30	12,030
MSN	11,062	MBB	11,648
HPG	4,619	TCB	10,747

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

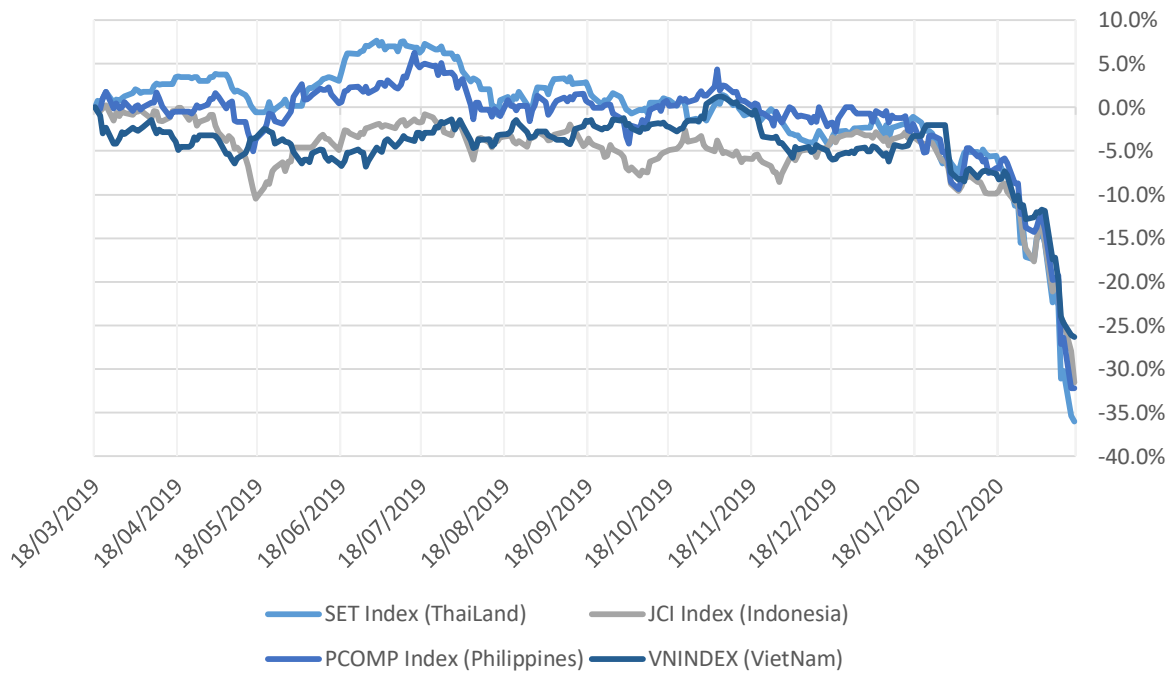


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

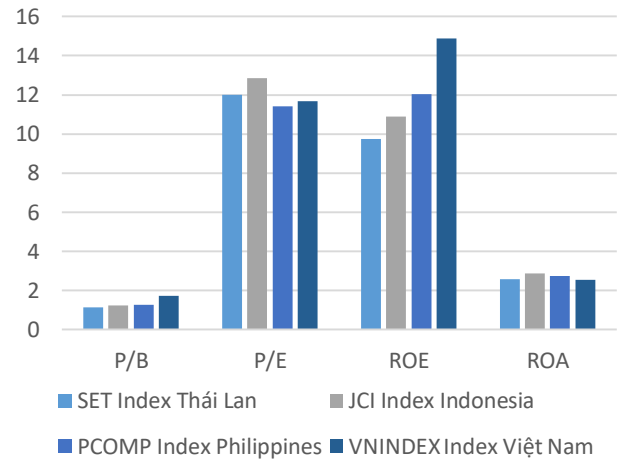
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.1x	1.2x	1.2x	1.7x
P/E		12.0x	12.8x	11.4x	11.7x
ROE	%	9.75	10.89	12.03	14.89
ROA	%	2.58	2.88	2.74	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	341.86	340.29	131.10	111.82
GTGD	Triệu USD	1.94	0.37	0.11	0.13
LS cổ tức	%	4.93	3.70	2.35	2.50

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written